

B NG ấI M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ầ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311401 - K t ầ n t ầ ch ầ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	M í S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NG ầ Y SINH	ấI M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấI M THI	QUY TS : 70.00%	ấI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
1	3572011539	35CKT1	L ầ L ầ H ng ầ Anh	09/08/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	9.8	6.9	9.0	
2	3572010978	35CKT1	Nguy n Ng c Qu ầ nh Anh	30/11/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	7.5	5.3	7.1	
3	3572011013	35CKT1	ấ Nguy n H ầ ầ Ân	07/04/1993				3.0	7.5		5.3	1.6	4.5	3.2	4.7	
4	3572010967	35CKT1	Nguy n Th M ầ Châu	16/01/1993				7.5	8.0		7.8	2.3	7.5	5.3	7.6	
5	3572011448	35CKT1	Tr n Th M ầ Minh ầ Di m	20/04/1993				1.0	0.0		0.5	0.2	0.0	0.0	0.2	N HP
6	3572011161	35CKT1	Nguy n Th ầ Dung	20/02/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
7	3572010080	35CKT1	Nguy n Th Th ầ y ầ Dung	21/08/1992				5.5			2.8	0.8	5.5	3.9	4.7	
8	3572010066	35CKT1	Tr n Th ầ Dung	22/07/1993				7.5	8.5		8.0	2.4	7.0	4.9	7.3	
9	3572011256	35CKT1	L ng Ti n ầ ầ t	20/02/1993				6.0	8.0		7.0	2.1	7.0	4.9	7.0	
10	3572011016	35CKT1	Nguy n Th Ng c ầ Gi ầ u	27/08/1993				7.5	8.0		7.8	2.3	8.0	5.6	7.9	
11	3572010986	35CKT1	Nguy n Th Thu ầ Hà	22/07/1992				4.5	8.0		6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
12	3572010360	35CKT1	Nguy n Thanh ầ H ầ n	03/06/1993				4.5	7.5		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
13	3572011017	35CKT1	Tr n Th ầ ầ ng ầ H n	01/01/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	5.5	3.9	5.7	
14	3572010985	35CKT1	VH ầ Th ầ Hi n	08/08/1992				4.5	8.0		6.3	1.9	5.5	3.9	5.7	
15	3572011007	35CKT1	ầ ng Th Th ầ y ầ H ng	13/10/1992				5.0	8.0		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
16	3572010949	35CKT1	L ý Ho ầ ng ầ Huy	18/12/1993				5.5	7.5		6.5	2.0	7.0	4.9	6.9	
17	3572010993	35CKT1	ầ o ầ Th B ầ H ng	20/01/1993				6.0	7.5		6.8	2.0	7.5	5.3	7.3	
18	3572010977	35CKT1	Nguy n Di m Vu ầ Lan	29/08/1993				6.0	9.0		7.5	2.3	5.5	3.9	6.1	
19	3572011552	35CKT1	B ầ i Th Ng c ầ L ầ nh	12/09/1993				5.0	8.5		6.8	2.0	6.5	4.6	6.6	

B NG ãI M H C PH N - MĐN THÌ NH PH N

Kh¹ a h c : L p h c : 35CKT1 Nñm h c : 2012-2013 ã VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ãT : H c ph n : 122167311401 - K to ãn tđ ch ãnh ph n 3 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H Vĩ T c N	NGÀY SINH	ñI M THÌ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ñI M THI	QUY TS : 70.00%	ñI M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
20	3572010980	35CKT1	Tñg M L	26/07/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
21	3572011330	35CKT1	Nguy n Hoñg Quinh	15/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	7.8	5.5	5.5	
22	3572011020	35CKT1	Nguy n Th M Linh	17/06/1993				4.5	8.0		6.3	1.9	6.8	4.8	6.6	
23	3572011015	35CKT1	Ph m M Linh	14/11/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	7.0	4.9	6.8	
24	3572010989	35CKT1	ñ inh Th Thu L u	21/07/1993				7.0	8.5		7.8	2.3	6.5	4.6	6.9	
25	3572011339	35CKT1	ñ ng Quang Minh	14/10/1992				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
26	3572010069	35CKT1	Tñg VB Minh	07/03/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	7.8	5.5	8.0	
27	3572011626	35CKT1	Tr n Th Minh	27/10/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
28	3572011506	35CKT1	Tr n Th X' Mu i	08/10/1993				3.5	8.0		5.8	1.7	7.0	4.9	6.6	
29	3572011006	35CKT1	Nguy n Ng c Tr© My	25/10/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	4.5	3.2	5.0	
30	3572011238	35CKT1	Vñh Th Nga	28/11/1992				3.5	9.0		6.3	1.9	6.0	4.2	6.1	
31	3572010146	35CKT1	L u Th V³n Ng n	01/04/1993				6.5	0.0		3.3	1.0	8.0	5.6	6.6	
32	3572011667	35CKT1	L² Di u Ngñn	27/08/1993				6.0	7.5		6.8	2.0	6.8	4.8	6.8	
33	3572010382	35CKT1	Mai Th Tuy t Ngñn	16/07/1993				5.0	7.5		6.3	1.9	2.5	1.8	3.6	
34	3572011166	35CKT1	L² Th Kim Ng c	24/05/1993				7.5	8.0		7.8	2.3	6.0	4.2	6.5	
35	3572011011	35CKT1	Nguy n Th H ng Ng c	10/12/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
36	3572011018	35CKT1	Phan Nguy n B o Ng c	21/09/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	7.3	5.1	7.4	
37	3572010951	35CKT1	Tr n Th Thanh Ng c	20/02/1993				5.0	8.5		6.8	2.0	7.0	4.9	6.9	
38	3572011525	35CKT1	Lâm Hà Thu Nguy t	12/08/1993				7.0	8.0		7.5	2.3	6.5	4.6	6.8	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311401 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
39	3572011458	35CKT1	Tr n Th Nh ấ n	10/08/1993				7.5	8.5		8.0	2.4	6.8	4.8	7.2	
40	3572010974	35CKT1	L ² Th Trang Nhung	11/03/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
41	3572011649	35CKT1	Tr ng Th Ng c Nhung	00/07/1992				6.0	8.5		7.3	2.2	5.0	3.5	5.7	
42	3572010950	35CKT1	Nguy n Th Qu ấ nh Nh	21/10/1992				5.0	8.5		6.8	2.0	5.0	3.5	5.5	
43	3572011597	35CKT1	Tr n Qu ấ nh Nh	24/04/1993				4.5	7.5		6.0	1.8	6.8	4.8	6.6	
44	3572010947	35CKT1	L ² Th K ấ u Oanh	01/10/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	8.0	5.6	8.0	
45	3572010098	35CKT1	Ph m Th Kim Ph ng	23/11/1993				7.0	8.5		7.8	2.3	5.0	3.5	5.8	
46	3572011140	35CKT1	Nguy n Th Tr ấ c Ph ng	06/04/1992				5.0	8.0		6.5	2.0	5.5	3.9	5.8	
47	3572011474	35CKT1	B ấ i Th K ấ u Quanh	07/06/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	9.8	6.9	9.3	
48	3572011021	35CKT1	B ấ i Th Kim Qúi	12/11/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	8.5	6.0	8.5	
49	3572010969	35CKT1	Nguy n Ph c Vinh Sang	19/03/1993				6.0	7.5		6.8	2.0	7.5	5.3	7.3	
50	3572011008	35CKT1	Nguy n Th H ấ Tiên	08/06/1993				9.0	8.0		8.5	2.6	8.0	5.6	8.2	
51	3572011490	35CKT1	Nguy n Th H ng Tím	06/05/1993				7.5	7.5		7.5	2.3	7.5	5.3	7.5	
52	3572011312	35CKT1	L ng Th T	04/06/1991				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
53	3572010973	35CKT1	Phan Thanh Tu n	02/12/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
54	3572010975	35CKT1	Tr n Th Ng c Tuyên	18/02/1991				9.0	8.0		8.5	2.6	7.8	5.5	8.0	
55	3572011404	35CKT1	Nguy n Thi u C m Tuy nh	24/10/1993				5.5	8.0		6.8	2.0	5.0	3.5	5.5	
56	3572011691	35CKT1	Ho ấ ng Th Thanh	01/01/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
57	3572011553	35CKT1	H Th Thu Th o	24/08/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	

B NG ấ I M H C PH N - M ấ N TH ấ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)

H ấ T : H c ph n : 122167311401 - K t ấ n t ấ ch ấ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	M ấ S	L P SV	H ấ V ấ T ấ N	NG ấ Y SINH	ấ I M TH ấ NH PH N						TBC	QUY TS: 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
58	3572011019	35CKT1	L 2 Th Ph ng Th o	04/01/1993				10.0	9.0		9.5	2.9	9.0	6.3	9.2	
59	3572011208	35CKT1	L 2 Th Thu Th o	10/02/1992				5.0	8.0		6.5	2.0	6.5	4.6	6.5	
60	3572011653	35CKT1	Ng ấ Th Thanh Th o	15/03/1993				5.5	7.5		6.5	2.0	6.0	4.2	6.2	
61	3572010966	35CKT1	Nguy n Th Ph ng Th o	10/06/1993				8.0	9.0		8.5	2.6	8.5	6.0	8.5	
62	3572010982	35CKT1	Nguy n Th Thu Th o	03/07/1993				5.5	8.0		6.8	2.0	5.5	3.9	5.9	
63	3572011225	35CKT1	Nguy n Th Xu ấ n Th o	10/06/1993				8.0	8.5		8.3	2.5	8.5	6.0	8.4	
64	3572011829	35CKT1	PHAN TH TH O	08/01/1993				7.0	8.5		7.8	2.3	7.8	5.5	7.8	
65	3572011573	35CKT1	Ch ấ u H ng Th m	23/10/1993				8.5	7.5		8.0	2.4	7.5	5.3	7.7	
66	3572010429	35CKT1	Tr n Th Thu Thi	26/02/1993				6.5	8.0		7.3	2.2	7.3	5.1	7.3	
67	3572011009	35CKT1	Ph m B ấ Thi ấ n	30/04/1993				0.0	0.0		0.0	0.0	0.0	0.0	0.0	N HP
68	3572011484	35CKT1	ấ u Th Thoa	14/07/1992				6.5	8.0		7.3	2.2	7.0	4.9	7.1	
69	3572011830	35CKT1	TH ấ M TH NH THUY T	18/05/1990				5.0	8.0		6.5	2.0	5.0	3.5	5.5	
70	3572011012	35CKT1	Bi n Th Ph ng Th y	12/12/1993				7.0	8.5		7.8	2.3	6.5	4.6	6.9	
71	3572011269	35CKT1	Ph m Th Thanh Th ấ y	21/09/1993				5.0	8.0		6.5	2.0	5.3	3.7	5.7	
72	3572010992	35CKT1	D ng Th Th ng	16/09/1992				4.5	8.5		6.5	2.0	6.8	4.8	6.7	
73	3572011014	35CKT1	L 2 Th Mai Thy	06/10/1992				7.5	7.5		7.5	2.3	8.5	6.0	8.2	
74	3572011171	35CKT1	ấ ng Minh Trang	12/08/1993				9.5	8.0		8.8	2.6	10.0	7.0	9.6	
75	3572010968	35CKT1	Tr nh Th Thu Trang	10/02/1992				6.5	8.0		7.3	2.2	6.5	4.6	6.7	
76	3572011579	35CKT1	Tr n Th Huy n Tr ấ n	23/09/1993				7.0	7.5		7.3	2.2	6.3	4.4	6.6	

B NG ấ I M H C PH N - MĐN TH ầ NH PH N

Kh ấ a h c : L p h c : 35CKT1 N ấ h c : 2012-2013 ấ VHT : 4
(60,0,0,0,0,0)
H ấ T : H c ph n : 122167311401 - K to ầ n t ầ ch ầ nh ph n 3 H c km : HK02

STT	Mí S	L P SV	H ầ V ầ T c N	NGÀY SINH	ấ I M TH ầ NH PH N						TBC	QUY TS : 30.00%	ấ I M THI	QUY TS : 70.00%	ấ I M TK	GHI CHÚ
					L1	L2	L3	L4	L5	L6						
77	3572010063	35CKT1	Ph m Th Kim ầ Vàng	08/01/1993				8.5	8.0		8.3	2.5	7.8	5.5	7.9	
78	3572011475	35CKT1	Tr n Th T ầ ng ầ Vi	01/01/1993				4.0	8.0		6.0	1.8	6.0	4.2	6.0	
79	3572010990	35CKT1	Nguy n Th H ầ ng ầ Y n	14/10/1993				8.0	8.0		8.0	2.4	9.8	6.9	9.3	
80	3572011489	35CKT1	Nguy n Th ầ Ý	25/10/1993				8.5	8.5		8.5	2.6	7.8	5.5	8.0	

T ầ ng s : 80 h c sinh sinh v ầ n
Tp.HCM, ngày / /
Tr ầ ng Khoa Gi ầ o V ầ n B M ầ n Gi ầ o V ầ Khoa